TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/DS-ST
Ngày: 18-6-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Trần Thị Đổi.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 18/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2018/TLST-DS ngày 24/4/2018 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐSTXX-DS ngày 30/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐ-HPT ngày 11/6/2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn X, sinh năm 1953.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.
Theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018.
Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973.
- Bà Võ Thị Diệu H, sinh năm 1977.
Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.
(Ông X, bà H có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018 của ông Lê Văn D, các lời khai tiếp theo ông Lê Văn X đại diện theo ủy quyền của ông D, trình bày:

Vào ngày 17/12/2009, vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Diệu H có mượn ông Lê Văn D số tiền 210.000.000 đồng để xoay sở trong gia đình. Việc mượn tiền hai bên có làm giấy biên nhận do ông P viết, có chữ ký tên xác nhận nợ

của vợ chồng ông P và chứng thực của Ủy an nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông P và bà H cam kết đến ngày 07/01/2010 sẽ trả cho ông D trước 50.000.000 đồng, số tiền còn lại mỗi tháng trả 10.000.000 đồng đến khi hết nợ. Việc vợ chồng ông P và bà H mượn tiền có làm giấy nhận nợ và có xác nhận của chính quyền địa phương. Từ lúc mượn tiền cho đến nay ông P và bà H không trả cho ông D bất kì khoản tiền nào. Nay ông đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn D yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Diệu H phải liên đới trả cho ông D số tiền còn nợ là 210.000.000đồng, không yêu cầu lãi suất.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Võ Thị Diệu H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P là quan hệ vợ chồng, bà thừa nhận vào ngày 17/12/2009, vợ chồng bà có ký tên vào giấy mượn tiền với số tiền 210.000.000 đồng. Đây là khoản nợ tiền mua bán thuốc lá giữa bà với ông D, chồng bà mặc dù có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 17/12/2009 nhưng việc bà mượn nợ ông D (R) chồng bà không biết. Sau đó bà đã trả nhiều lần cho ông D số tiền 190.000.000 đồng, Việc bà trả nợ cho ông D không có làm giấy trả nợ. Bà H xác định chỉ còn nợ lại ông D số tiền 20.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất ý kiến.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn X đại diện theo ủy quyền của ông D không thừa nhận vợ chồng bà H, ông P có thanh toán cho ông D số tiền 190.000.000 đồng như bà H trình bày và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*,

Ông Lê Văn D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Diệu H liên đới trả số tiền mượn. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại các Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn P vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung*,

Qua ý kiến, lời trình bày của các đương sự, chứng cứ mà đương sự cung cấp là giấy nhận nợ ghi ngày 17/12/2009 có chữ ký tên ông P và bà H; Tại phiên tòa H cho rằng chữ ký tên P trong giấy nhận nợ có phải do chồng bà ký tên hay không nhưng tại biên bản hòa giải bà thừa nhận chữ ký tên trong giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là chữ ký tên của bà và ông P; giấy nhận nợ này có chứng thực của

Ủy ban nhân dân xã T, nội dung giấy nhận nợ có thỏa thuận về thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận trả tiền lãi. Như vậy, có căn cứ để xác định vào ngày 17/12/2009, ông Nguyễn Văn P, bà Võ Thị Diệu H có ký tên trong giấy nợ của ông Lê Văn D số tiền ghi là 210.000.000 đồng. Ông P và bà H cam kết đến ngày 07/01/2010 (nhưng theo lời trình bày của Ông X thì giấy nhận nợ ghi nhầm là ngày 07/01/2009 thay vì ghi là ngày 07/01/2010) sẽ trả trước cho ông D số tiền 50.000.000 đồng, số nợ còn lại sẽ trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng từ khi viết giấy nhận nợ cho đến nay bà H và ông P không thực hiện nghĩa vụ như cam kết mặc dù ông D đã đòi nợ nhiều lần.

Bà H thừa nhận có nợ của ông D số tiền 210.000.0000 đồng và cho rằng đây là khoản tiền nợ do mua bán thuốc lá. Bà đã trả nhiều lần cho ông D số tiền 190.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh trong khi Ông X là người đại diện theo ủy quyền của ông D không thừa nhận; nên xét lời trình bày của bà H như trên là không có căn cứ.

Tại biên bản hòa giải, bà H thừa nhận vợ chồng bà cùng ký tên trong giấy mượn nợ nhưng cho rằng ông P không biết, không liên quan gì đến khoản nợ này. Lời trình bày trên của bà H là không có cơ sở vì bà và ông P là quan hệ vợ chồng, khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của vợ chồng. Hơn nữa, ông P cùng ký tên trong giấy nhận nợ với bà với tư cách là vợ chồng. Nội dung giấy nhận nợ có đoạn ghi: vay mượn nợ là để xoay sở trong nhà.

Do vậy, ông Lê Văn D khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn P phải liên đới trả cho ông số nợ 210.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông X đại diện theo ủy quyền của ông D không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Diệu H phải liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước với mức án phí là 5% trên số tiền 210.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện đã được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474 Bộ Luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 29, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Diệu H.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Diệu H phải liên đới trả cho ông Lê Văn D số nợ là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

2. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Buộc Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Diệu H phải liên đới nộp 10.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho ông Lê Văn D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0002703 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức